

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610001	ĐẶNG TUYẾT AN	Nữ	09/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,70	4,70
2	610002	DƯƠNG HOÀI AN	Nữ	07/09/2014	Bình Dương	TH Tương Bình Hiệp	Thủ Dầu Một				7,70	7,70
3	610003	LÊ KIM AN	Nữ	25/11/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				2,80	2,80
4	610004	NGUYỄN BÁ THÁI AN	Nam	28/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				7,20	7,20
5	610005	NGUYỄN HOÀNG LINH AN	Nữ	21/06/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 13 khiên	7,60	8,60
6	610006	NGUYỄN LÊ BẢO AN	Nam	22/08/2014	Đắk Lắk	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				5,00	5,00
7	610007	NGUYỄN PHONG AN	Nam	07/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				6,00	6,00
8	610008	BÙI PHAN NHƯ ANH	Nữ	14/04/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				3,60	3,60
9	610009	BÙI QUANG ANH	Nam	02/07/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				6,70	6,70
10	610010	BÙI VĂN ANH	Nữ	11/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				4,60	4,60
11	610011	DƯƠNG PHƯƠNG ANH	Nữ	06/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Xanh Tuệ Đức BD	Bến Cát				5,60	5,60
12	610012	HUỲNH KIM ANH	Nữ	22/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				6,40	6,40
13	610013	HUỲNH MINH ANH	Nữ	09/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 14 khiên	7,30	8,30
14	610014	LÊ DANH TRÂM ANH	Nữ	10/02/2014	Trà Vinh	TH Nguyễn Hiền	Thủ Dầu Một				5,60	5,60
15	610015	LÊ PHẠM LAN ANH	Nữ	27/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				7,70	7,70
16	610016	LÝ MINH ANH	Nữ	20/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				5,20	5,20
17	610017	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	10/05/2014	Bình Dương	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				5,00	5,00
18	610018	NGUYỄN TRÀ TRÂM ANH	Nữ	11/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 13 khiên	7,90	8,90
19	610019	NGUYỄN VIỆT ANH	Nam	31/01/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				7,60	7,60
20	610020	PHẠM NGUYỆT ANH	Nữ	10/03/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				7,10	7,10
21	610021	TRẦN LÊ TUẤN ANH	Nam	09/07/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				5,70	5,70
22	610022	TRỊNH QUẾ ANH	Nữ	16/08/2014	Bình Dương	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				4,90	4,90
23	610023	VÕ NHÃ PHƯƠNG ANH	Nữ	04/11/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				3,20	3,20
24	610024	VÕ VĂN HÙNG ANH	Nam	23/05/2014	Đắk Lắk	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				5,70	5,70

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



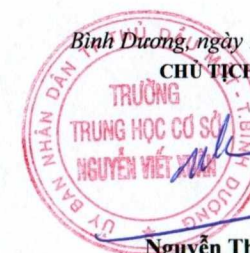
Nguyễn Thị Nhật Hằng

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610025	VÕ HOÀNG KHÁNH	BẮNG	Nữ	14/08/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			3,70	3,70
2	610026	BÙI NHẬT GIA	BẢO	Nam	07/08/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một	1,0	Flyers 14 khiên	7,10	8,10
3	610027	HỒ GIA	BẢO	Nam	13/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một			3,30	3,30
4	610028	NGUYỄN GIA	BẢO	Nam	08/04/2014	Quảng Nam	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			4,10	4,10
5	610029	NGUYỄN TẮT THÁI	BẢO	Nam	06/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Lê Hồng Phong	Thủ Dầu Một			5,40	5,40
6	610030	NGUYỄN TIỀN	BẢO	Nam	21/03/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			1,00	1,00
7	610031	PHẠM GIA	BẢO	Nam	19/02/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một			3,10	3,10
8	610032	NGUYỄN QUẢN ĐẮC	BÌNH	Nam	01/07/2014	Đắk Lắk	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			5,30	5,30
9	610033	NGUYỄN THÁI	BÌNH	Nữ	19/05/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một			6,20	6,20
10	610034	BẠCH THỊ BẢO	CHÂU	Nữ	20/11/2014	Bình Dương	TH Hiệp Thành	Thủ Dầu Một			7,30	7,30
11	610035	BÙI MINH	CHÂU	Nữ	18/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			7,00	7,00
12	610036	NGUYỄN TRẦN BẢO	CHÂU	Nữ	15/11/2014	Thanh Hóa	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một			5,40	5,40
13	610037	BÙI THỊ NGUYỆT	CHI	Nữ	28/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một			5,10	5,10
14	610038	NGUYỄN NGỌC MAI	CHI	Nữ	05/02/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			4,20	4,20
15	610039	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	Nữ	08/05/2014	Đắk Lắk	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một			6,00	6,00
16	610040	PHẠM NGỌC BẢO	CHI	Nữ	02/08/2014	Nam Định	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một			4,80	4,80
17	610041	TRƯƠNG VŨ LAN	CHI	Nữ	26/08/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			4,50	4,50
18	610042	DƯ SĨ YẾN	ĐAN	Nữ	04/07/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một			5,70	5,70
19	610043	LÊ QUANG MINH	ĐĂNG	Nam	04/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 2	Thủ Dầu Một	1,0	Flyers 14 khiên	7,70	8,70
20	610044	HOÀNG PHÁT	ĐẠT	Nam	17/05/2014	Hưng Yên	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một			3,60	3,60
21	610045	TRẦN QUANG	ĐẠT	Nam	29/01/2014	Hà Tĩnh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			6,40	6,40
22	610046	NGUYỄN VƯƠNG HÂN	DI	Nữ	23/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một			5,10	5,10
23	610047	LÊ ĐẶNG NGỌC	DIỆP	Nữ	02/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			5,70	5,70
24	610048	LÊ HOÀNG	ĐỨC	Nam	20/02/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một			7,10	7,10

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng

Khóa thi ngày: 29 tháng 6 năm 2025

Phòng thi : 03

Từ SBD:

610049

Đến SBD: 610072

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610049	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	06/10/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,40	4,40
2	610050	PHÙNG MINH ĐỨC	Nam	24/10/2014	Nam Định	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
3	610051	LÊ NGUYỄN AN DƯƠNG	Nam	28/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				6,40	6,40
4	610052	CHU THỊ NGỌC HÀ	Nữ	30/10/2014	Bình Dương	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				2,90	2,90
5	610053	TRẦN TUẤN HẢI	Nam	04/02/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 13 khiên	6,50	7,50
6	610054	ĐÀO GIA HÂN	Nữ	11/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				3,30	3,30
7	610055	HỒ TRẦN NGỌC HÂN	Nữ	21/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
8	610056	HUỲNH NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	20/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				5,40	5,40
9	610057	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	27/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				8,30	8,30
10	610058	NGUYỄN HOÀNG KHẢ HÂN	Nữ	09/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
11	610059	NGUYỄN TRẦN BẢO HÂN	Nữ	15/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				5,60	5,60
12	610060	TRƯƠNG GIA HÂN	Nữ	13/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				3,80	3,80
13	610061	VÕ GIA HÂN	Nữ	20/12/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				4,70	4,70
14	610062	GIANG THÚY HẰNG	Nữ	31/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				6,50	6,50
15	610063	LÊ THANH HẰNG	Nữ	24/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				2,70	2,70
16	610064	ĐẶNG TRÍ HÀO	Nam	24/12/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				5,00	5,00
17	610065	LÊ XUÂN HẬU	Nam	26/05/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				5,40	5,40
18	610066	TRỊNH LÊ VĂN HIẾU	Nam	05/01/2014	Đắk Lắk	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				0,40	0,40
19	610067	VÕ MINH HIẾU	Nam	12/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				5,10	5,10
20	610068	VÕ THIÊN HÒA	Nam	11/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				4,70	4,70
21	610069	NGUYỄN THIÊN TIÊN HOÀNG	Nam	06/06/2014	Thanh Hóa	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				4,10	4,10
22	610070	LÝ NGỌC PHƯỢNG HỒNG	Nữ	10/01/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				7,80	7,80
23	610071	LÊ ĐẶNG MINH HUÂN	Nam	15/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				3,80	3,80
24	610072	NGUYỄN TẮT HUÂN	Nam	10/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				7,70	7,70

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 TRƯỞNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NGUYỄN VIỆT HƯNG
 Nguyễn Thị Nhật Hằng

Khóa thi ngày: 29 tháng 6 năm 2025

TỈNH BÌNH DƯƠNG

Phòng thi : 04

Từ SBD:

610073

Đến SBD: 610096

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tổng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
							học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610073	ĐÀO VIỆT	HÙNG	Nam	25/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Mỹ	Thủ Dầu Một				3,40	3,40
2	610074	NGUYỄN TIẾN	HÙNG	Nam	14/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				6,40	6,40
3	610075	VÕ HOÀNG	HÙNG	Nam	03/01/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				3,20	3,20
4	610076	HUỲNH PHÚC	HÙNG	Nam	28/01/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				3,90	3,90
5	610077	NGUYỄN NGỌC GIA	HÙNG	Nam	06/10/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
6	610078	NGUYỄN PHÚ	HÙNG	Nam	14/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,40	4,40
7	610079	HUỲNH THANH	HỮU	Nam	14/09/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				3,50	3,50
8	610080	ĐỖ ĐÌNH MINH	HUY	Nam	07/11/2014	Thanh Hóa	TH Tương Bình Hiệp	Thủ Dầu Một				5,10	5,10
9	610081	ĐỖ QUỐC	HUY	Nam	09/03/2014	Bình Dương	TH Chánh Mỹ	Thủ Dầu Một				7,20	7,20
10	610082	HOÀNG NHẬT	HUY	Nam	24/06/2014	Đắk Lắk	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				8,20	8,20
11	610083	HOÀNG QUỐC	HUY	Nam	12/11/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				3,30	3,30
12	610084	LÝ QUỐC	HUY	Nam	26/10/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				3,40	3,40
13	610085	NGUYỄN GIA	HUY	Nam	10/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				3,50	3,50
14	610086	NGUYỄN HOÀNG NHẬT	HUY	Nam	24/11/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				0,10	0,10
15	610087	NGUYỄN THỊ DIỆU	HUYỀN	Nữ	28/11/2014	Bình Dương	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
16	610088	ĐẶNG VŨ DUY	KHA	Nam	07/11/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				5,50	5,50
17	610089	NGUYỄN ĐÌNH GIA	KHANG	Nam	06/12/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				4,30	4,30
18	610090	TRẦN DUY MINH	KHANG	Nam	23/11/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				8,60	8,60
19	610091	TRƯƠNG NGUYỄN DUY	KHANG	Nam	12/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				2,50	2,50
20	610092	HUỲNH NGUYỄN NHÃ	KHANH	Nữ	12/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,60	4,60
21	610093	TRẦN QUỐC	KHÁNH	Nam	02/09/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				5,60	5,60
22	610094	HẠ VÕ ĐĂNG	KHOA	Nam	05/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				7,10	7,10
23	610095	LƯƠNG THÊ MINH	KHOA	Nam	02/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				6,30	6,30
24	610096	NGUYỄN ĐĂNG	KHOA	Nam	19/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH An Sơn	Thuận An				6,80	6,80

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610097	TRẦN KIỂM ANH	KHOA	Nam	28/08/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một			7,30	7,30
2	610098	CAO MINH	KHÔI	Nam	31/05/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một			6,20	6,20
3	610099	HUỖNH LÊ BẢO	KHÔI	Nam	11/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Hồ Văn Mên	Thuận An			6,90	6,90
4	610100	LÊ MINH	KHÔI	Nam	16/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			6,70	6,70
5	610101	TRẦN ĐĂNG	KHÔI	Nam	30/06/2014	Kiên Giang	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một			5,90	5,90
6	610102	NGUYỄN LÂM	KIỆT	Nam	08/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Hòa Phú	Thủ Dầu Một	1,0	Flyer 14 khiên	7,50	8,50
7	610103	VƯƠNG TUẤN	KIỆT	Nam	10/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			4,30	4,30
8	610104	NGUYỄN LƯƠNG THIÊN	KIM	Nữ	02/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			5,50	5,50
9	610105	NGUYỄN NGỌC THIÊN	KIM	Nữ	05/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			4,10	4,10
10	610106	NGUYỄN THIÊN	KIM	Nữ	01/10/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một			7,40	7,40
11	610107	NGUYỄN THIÊN	KIM	Nữ	14/01/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			6,30	6,30
12	610108	NGUYỄN THIÊN	KIM	Nữ	28/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			5,20	5,20
13	610109	ĐINH NGỌC YẾN	LAM	Nữ	03/03/2014	Kiên Giang	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một			3,40	3,40
14	610110	LÝ VY	LAM	Nữ	31/10/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			3,70	3,70
15	610111	NGUYỄN ĐOÀN KHÁNH	LAM	Nữ	30/07/2014	Bình Dương	TH An Sơn	Thuận An			v	v
16	610112	NGUYỄN HOÀNG QUỲNH	LAM	Nữ	16/12/2014	Bình Dương	TH Tương Bình Hiệp	Thủ Dầu Một			5,10	5,10
17	610113	HỒ TUYỀN	LÂM	Nữ	27/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một	1,0	Flyers 13 khiên	8,70	9,70
18	610114	HOÀNG TRẦN HẢI	LÂM	Nam	28/01/2014	Quảng Trị	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một			5,00	5,00
19	610115	NGUYỄN HUỖNH THÙY	LÂM	Nữ	09/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			2,60	2,60
20	610116	ĐOÀN THANH	LIÊN	Nữ	06/07/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một			5,30	5,30
21	610117	HUỖNH GIA	LINH	Nữ	27/01/2014	Đắk Lắk	TH Lê Hồng Phong	Thủ Dầu Một			3,30	3,30
22	610118	NGUYỄN KHÁNH	LINH	Nữ	27/05/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một			6,20	6,20
23	610119	NGUYỄN TRÚC	LINH	Nữ	16/08/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một			5,20	5,20
24	610120	VƯƠNG ĐÌNH HỒNG	LINH	Nữ	12/12/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một	1,0	Flyers 14 khiên	7,20	8,20

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
 TRƯỞNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NGUYỄN VIỆT XUÂN
 Nguyễn Thị Nhật Hằng

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610121	NGUYỄN BẢO LONG	Nam	16/01/2014	Nam Định	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
2	610122	PHẠM HỮU LONG	Nam	23/04/2014	Đồng Nai	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				4,10	4,10
3	610123	ĐẶNG TRÍ MINH	Nam	09/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				5,30	5,30
4	610124	LÊ TRẦN NHẬT MINH	Nam	18/02/2014	Bình Dương	TH Phú Lợi 2	Thủ Dầu Một				5,70	5,70
5	610125	LÝ NHẬT MINH	Nam	21/05/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,60	4,60
6	610126	NGUYỄN HOÀNG MINH	Nam	05/07/2014	Bình Định	TH Kim Đồng	Thủ Dầu Một				7,40	7,40
7	610127	NGUYỄN HOÀNG GIA MINH	Nam	24/10/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				1,80	1,80
8	610128	NGUYỄN LÊ NHẬT MINH	Nam	21/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				7,40	7,40
9	610129	PHẠM NGUYỄN GIA MINH	Nam	13/03/2014	Đồng Nai	TH Hòa Phú	Thủ Dầu Một				6,00	6,00
10	610130	TRẦN TIẾN MINH	Nam	25/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				4,90	4,90
11	610131	LÊ NGỌC DIỄM MY	Nữ	22/07/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
12	610132	NGUYỄN NGỌC HÀ MY	Nữ	04/04/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				2,40	2,40
13	610133	LÔI HOÀNG NGUYỄN NGÂN	Nữ	16/03/2014	Bình Dương	TH Hòa Phú	Thủ Dầu Một				4,90	4,90
14	610134	NGUYỄN HOÀNG NGÂN	Nữ	02/01/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 14 khiên	8,60	9,60
15	610135	PHẠM KIM NGÂN	Nữ	05/02/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,20	4,20
16	610136	PHẠM LÊ KHẢ NGÂN	Nữ	20/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				7,40	7,40
17	610137	PHẠM NGỌC KIM NGÂN	Nữ	31/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				2,80	2,80
18	610138	TẠ KIM NGÂN	Nữ	09/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 14 khiên	7,40	8,40
19	610139	TRẦN LÝ THANH NGÂN	Nữ	10/07/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				5,10	5,10
20	610140	ĐẶNG TRỊNH PHƯƠNG NGHI	Nữ	23/05/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				5,30	5,30
21	610141	HUỶNH ĐÔNG NGHI	Nữ	25/06/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Hiền	Thủ Dầu Một				4,90	4,90
22	610142	BÙI ĐỨC DUY NGHĨA	Nam	30/07/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
23	610143	ĐẶNG BẢO NGỌC	Nữ	06/05/2014	Hà Tĩnh	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				3,70	3,70
24	610144	HỒ NHƯ YẾN NGỌC	Nữ	02/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				6,00	6,00

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

 Nguyễn Thị Nhật Hằng

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ năng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
							học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610145	LÊ NGUYỄN BẢO	NGOC	Nữ	09/08/2014	BV Quân Y 103	TH Phú Lợi 2	Thủ Dầu Một				5,70	5,70
2	610146	NGÔ KHÁNH	NGOC	Nữ	24/07/2014	Bình Dương	TH Tân An	Thủ Dầu Một				7,10	7,10
3	610147	NGUYỄN LÊ LAM	NGOC	Nữ	02/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 2	Thủ Dầu Một				7,30	7,30
4	610148	NGUYỄN VÕ KHÁNH	NGOC	Nữ	14/05/2014	Bình Dương	TH Lê Hồng Phong	Thủ Dầu Một				6,20	6,20
5	610149	NGUYỄN VƯƠNG LAM	NGOC	Nữ	25/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				6,10	6,10
6	610150	PHẠM NGUYỄN KHÁNH	NGOC	Nữ	04/10/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				3,30	3,30
7	610151	PHAN TRƯƠNG UYÊN	NGOC	Nữ	10/10/2014	Bình Dương	TH Chánh Mỹ	Thủ Dầu Một				5,00	5,00
8	610152	TRẦN BẢO	NGOC	Nữ	23/10/2014	Bình Phước	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,50	4,50
9	610153	TRẦN PHẠM MINH	NGOC	Nữ	07/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
10	610154	HUỲNH THANH THẢO	NGUYỄN	Nữ	17/10/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				7,00	7,00
11	610155	LÊ BÌNH	NGUYỄN	Nam	27/08/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				4,70	4,70
12	610156	NGUYỄN LÊ MINH	NGUYỄN	Nam	06/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				4,50	4,50
13	610157	TRẦN KHÔI	NGUYỄN	Nam	11/11/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				5,70	5,70
14	610158	VÕ PHÚC	NGUYỄN	Nam	19/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				5,90	5,90
15	610159	VƯƠNG GIA	NGUYỄN	Nữ	24/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				7,40	7,40
16	610160	TRẦN THỊ ÁNH	NGUYỆT	Nữ	07/02/2014	Nam Định	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				5,40	5,40
17	610161	TRỊNH PHÚC	NHÂN	Nam	16/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				7,70	7,70
18	610162	DƯƠNG MINH	NHẬT	Nam	26/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				6,70	6,70
19	610163	ĐÀM NGUYỄN PHƯƠNG	NHI	Nữ	28/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 14 khiên	8,10	9,10
20	610164	NGUYỄN BẢO	NHI	Nữ	17/06/2014	Bình Dương	TH Chánh Mỹ	Thủ Dầu Một				5,50	5,50
21	610165	PHẠM KHÁNH	NHI	Nữ	02/02/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,30	4,30
22	610166	TRẦN YẾN	NHI	Nữ	28/12/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,90	4,90
23	610167	VÕ NGUYỄN THẢO	NHI	Nữ	06/08/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				6,90	6,90
24	610168	ĐỖ NGUYỄN AN	NHIÊN	Nữ	23/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				5,40	5,40

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
							học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610169	DƯƠNG AN	NHIÊN	Nữ	19/06/2014	Đồng Nai	TH Tân An	Thủ Dầu Một				7,10	7,10
2	610170	NGUYỄN NGỌC AN	NHIÊN	Nữ	12/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				4,20	4,20
3	610171	LÂM NGUYỄN BẢO	NHU	Nữ	17/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				4,40	4,40
4	610172	NGUYỄN TRẦN QUỲNH	NHU	Nữ	04/04/2014	Bình Dương	TH Chánh Mỹ	Thủ Dầu Một				3,60	3,60
5	610173	LÊ VÕ HOÀNG	PHÁT	Nam	08/11/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				6,70	6,70
6	610174	TRẦN VĂN	PHÁT	Nam	15/05/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				3,60	3,60
7	610175	NGUYỄN HOÀNG	PHI	Nam	21/06/2013	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				6,40	6,40
8	610176	HUỲNH THANH	PHONG	Nam	17/05/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,50	4,50
9	610177	HUỲNH TẤN	PHÚC	Nam	14/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				5,60	5,60
10	610178	NGUYỄN THIỆN	PHÚC	Nam	23/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				7,60	7,60
11	610179	VÕ ĐẠI	PHÚC	Nam	11/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				3,00	3,00
12	610180	VƯƠNG HOÀNG THIÊN	PHÚC	Nam	06/10/2014	Đồng Nai	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				5,60	5,60
13	610181	LÊ GIA	PHƯỚC	Nam	20/11/2014	Bình Dương	TH Lê Hồng Phong	Thủ Dầu Một				8,10	8,10
14	610182	PHAN DUY	PHƯỚC	Nam	28/05/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				4,50	4,50
15	610183	ĐẶNG NGỌC HÀ	PHƯƠNG	Nữ	16/07/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 2	Thủ Dầu Một				6,40	6,40
16	610184	BÙI NGỌC MINH	QUÂN	Nam	04/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				6,30	6,30
17	610185	LÊ TRUNG	QUÂN	Nam	11/06/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				5,10	5,10
18	610186	ĐOÀN KHÔI	QUANG	Nam	18/08/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 14 khiên	6,90	7,90
19	610187	LÊ THANH	QUI	Nam	08/07/2014	Campuchia	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				1,30	1,30
20	610188	NGÔ HẠNH	SAN	Nữ	22/10/2014	Thừa Thiên Huế	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				5,90	5,90
21	610189	NGUYỄN MINH	SANG	Nam	14/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Lê Thị Hồng Gấm	Thủ Dầu Một				5,90	5,90
22	610190	TẶNG THANH	SANG	Nam	13/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				6,80	6,80
23	610191	VÕ XUÂN	SƠN	Nam	05/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				7,40	7,40
24	610192	HUỲNH HỮU	TÀI	Nam	02/05/2014	Bình Dương	TH Kim Đồng	Thủ Dầu Một				5,00	5,00

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
							học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610193	TRẦN HỮU	TÀI	Nam	02/09/2014	Bình Thuận	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				2,10	2,10
2	610194	VĂN NHẬT	TÂM	Nữ	29/04/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				6,50	6,50
3	610195	VŨ PHÚC NHÂN	TÂM	Nam	09/12/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,10	4,10
4	610196	NGUYỄN KHIẾT	THANH	Nam	13/12/2014	Quảng Nam	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				6,60	6,60
5	610197	PHAN DI	THANH	Nữ	15/09/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				3,50	3,50
6	610198	PHAN NGỌC GIA	THANH	Nữ	11/03/2014	An Giang	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				7,10	7,10
7	610199	NGUYỄN TRƯỜNG	THÀNH	Nam	30/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				6,10	6,10
8	610200	TRẦN QUANG	THÀNH	Nam	19/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				5,90	5,90
9	610201	HỒ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	18/06/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Hiền	Thủ Dầu Một		1,0	Flyer 14 khiên	7,00	8,00
10	610202	NGUYỄN MINH	THẢO	Nữ	27/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				3,60	3,60
11	610203	PHẠM LAM	THẢO	Nữ	15/04/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				6,70	6,70
12	610204	TRẦN NHẬT	THIÊN	Nam	28/11/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				2,30	2,30
13	610205	LÊ NGUYỄN PHÚ	THỊNH	Nam	11/11/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,40	4,40
14	610206	LÊ HOÀNG	THƯ	Nữ	31/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				3,70	3,70
15	610207	LÊ NGUYỄN ANH	THƯ	Nữ	12/09/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				5,10	5,10
16	610208	LÝ MINH	THƯ	Nữ	20/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,40	4,40
17	610209	NGUYỄN LÝ MINH	THƯ	Nữ	13/05/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
18	610210	NGUYỄN MINH	THƯ	Nữ	16/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				5,50	5,50
19	610211	NGUYỄN NGỌC ANH	THƯ	Nữ	07/05/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				5,50	5,50
20	610212	PHẠM LÊ ANH	THƯ	Nữ	31/10/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				3,90	3,90
21	610213	VŨ THIÊN	THƯ	Nữ	13/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một		1,0	Flyer 13 khiên	5,50	6,50
22	610214	VŨƠNG HY	THUẦN	Nữ	10/05/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 14 khiên	7,20	8,20
23	610215	NGUYỄN MINH	THƯƠNG	Nữ	16/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				4,10	4,10
24	610216	TRẦN BẢO	THUYỀN	Nữ	08/06/2014	Bình Dương	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				3,20	3,20

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

 TRƯỞNG
 TRUNG HỌC CƠ SỞ
 NGUYỄN VIỆT KHUÂN
 Nguyễn Thị Nhật Hằng

TT	SBD	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
							học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610217	TRẦN THỊ DUYÊN	THUYỀN	Nữ	09/07/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				6,80	6,80
2	610218	NGUYỄN TRẦN MAI	THY	Nữ	08/07/2014	Ninh Thuận	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				5,20	5,20
3	610219	NGUYỄN PHÚ MINH	TIẾN	Nam	12/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				7,60	7,60
4	610220	NGUYỄN HUỖNH MINH	TRÀ	Nữ	19/10/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				2,50	2,50
5	610221	HÀ NGỌC	TRÂM	Nữ	24/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				2,70	2,70
6	610222	LÊ NGỌC HUYỀN	TRÂN	Nữ	10/11/2014	Đắk Lắk	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,20	4,20
7	610223	NGUYỄN NGỌC BẢO	TRÂN	Nữ	18/02/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				4,80	4,80
8	610224	PHẠM TRÀ BẢO	TRÂN	Nữ	01/02/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				6,30	6,30
9	610225	TRẦN NGỌC BẢO	TRÂN	Nữ	18/10/2014	Bình Dương	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				4,80	4,80
10	610226	LÊ KIM ĐOAN	TRÍ	Nữ	02/03/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Hiền	Thủ Dầu Một		1,0	Flyer 13 khiên	6,30	7,30
11	610227	TRẦN NGUYỄN MINH	TRÍ	Nam	10/02/2014	Gia Lai	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				5,60	5,60
12	610228	TRẦN THANH	TRIẾT	Nam	11/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				3,10	3,10
13	610229	LÊ NGUYỄN TUYẾT	TRINH	Nữ	04/10/2014	Gia Lai	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				4,00	4,00
14	610230	CAO THANH	TRÚC	Nữ	17/12/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				4,70	4,70
15	610231	LÝ THANH	TRÚC	Nữ	09/07/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				5,20	5,20
16	610232	NGUYỄN THANH	TRÚC	Nữ	29/07/2014	Hà Tĩnh	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				6,10	6,10
17	610233	MAI NGUYỄN NHẬT	TRƯỜNG	Nam	15/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Trãi	Thủ Dầu Một				3,30	3,30
18	610234	NGUYỄN GIA	TRƯỜNG	Nam	03/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một				5,30	5,30
19	610235	TRẦN LÊ TUẤN	TÚ	Nam	06/09/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				6,00	6,00
20	610236	HUỖNH MINH	TUỆ	Nữ	10/01/2014	Bình Dương	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				6,00	6,00
21	610237	PHÙ BẢO	UY	Nam	03/06/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				3,40	3,40
22	610238	LÊ NGUYỄN HẢI	UYÊN	Nữ	18/05/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				3,60	3,60
23	610239	BÙI KHÁNH	VÂN	Nữ	10/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				4,70	4,70
24	610240	CAO TUỆ	VÂN	Nữ	13/10/2014	Bình Dương	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				4,60	4,60

Danh sách này có 24 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



Nguyễn Thị Nhật Hằng

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh (Tỉnh hoặc Thành phố)	Năm lớp 5		Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4	Điểm Khuyến khích	Ghi chú Ưu tiên, KK gì?	Điểm thi	Tổng điểm
						học tại trường	Huyện/ Thị					
1	610241	HOÀNG THỊ THÙY VÂN	Nữ	17/11/2014	Nghệ An	TH Hiệp Thành	Thủ Dầu Một				5,30	5,30
2	610242	TRỊNH QUỐC VIỆT	Nam	17/08/2014	Bình Dương	TH Hòa Phú	Thủ Dầu Một				5,70	5,70
3	610243	NGUYỄN VŨ CÔNG VINH	Nam	30/10/2014	Bình Dương	TH Định Hòa 2	Thủ Dầu Một				3,50	3,50
4	610244	PHAN XUÂN VINH	Nam	27/11/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Lợi 2	Thủ Dầu Một				6,20	6,20
5	610245	LÊ UY VŨ	Nam	27/01/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				5,70	5,70
6	610246	DOÃN NGỌC PHƯƠNG VY	Nữ	28/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				6,30	6,30
7	610247	LÊ VÕ TƯỜNG VY	Nữ	21/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Thọ	Thủ Dầu Một				6,90	6,90
8	610248	NGUYỄN LÊ VY	Nữ	25/08/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Lợi	Thủ Dầu Một				4,50	4,50
9	610249	NGUYỄN NGUYỄN NHẬT VY	Nữ	19/05/2014	Bình Dương	TH Trần Phú	Thủ Dầu Một				7,20	7,20
10	610250	NGUYỄN TƯỜNG VY	Nữ	15/07/2014	Bình Định	TH Hòa Phú	Thủ Dầu Một				v	v
11	610251	ĐẶNG VIỆT XUÂN	Nam	24/06/2014	Thanh Hóa	TH Chánh Nghĩa	Thủ Dầu Một				3,50	3,50
12	610252	NGUYỄN VŨ NGUYỄN XUÂN	Nữ	03/01/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 1	Thủ Dầu Một		1,0	Flyers 14 khiên	8,50	9,50
13	610253	NGUYỄN HUỲNH NHƯ Ý	Nữ	21/07/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Phú Hòa 3	Thủ Dầu Một				6,70	6,70
14	610254	NGUYỄN NGỌC NHƯ Ý	Nữ	06/09/2014	Tp. Hồ Chí Minh	TH Nguyễn Du	Thủ Dầu Một				6,80	6,80
15	610255	NGÔ HỒNG YẾN	Nữ	23/01/2014	Bình Dương	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				6,20	6,20
16	610256	VÕ THỊ HOÀNG YẾN	Nữ	30/10/2014	Kiên Giang	TH Định Hòa	Thủ Dầu Một				5,10	5,10

Danh sách này có 16 thí sinh./.

Bình Dương, ngày 12 tháng 6 năm 2025
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

 Nguyễn Thị Nhật Hằng